

Số: 19/2021/QĐST-DS

A, ngày 10 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 430, 433, 440, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Hợp tác xã Nông nghiệp 2 N

Trụ sở: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T1 – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc A1 – Phó Giám đốc.

Theo văn bản ủy quyền ngày 02/11/2021.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm: 1968

Bà Phan Thị Thu V, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Xóm T3, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định vợ chồng ông Nguyễn Hữu T2 – bà Phan Thị Thu V còn nợ Hợp tác xã Nông nghiệp 2 N số tiền là 48.440.000đ (Bốn mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), trong đó tiền mua phân còn nợ là 31.818.000đ và 16.622.000đ tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

2.2. Về thời hạn thanh toán: Các bên thống nhất vợ chồng ông Nguyễn Hữu T2 – bà Phan Thị Thu V mỗi tháng trả cho Hợp tác xã Nông nghiệp 2 N 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) trong vòng 11 (Mười một) tháng vào ngày 20 hàng tháng. Thời điểm bắt đầu trả nợ được xác định vào ngày 20/12/2021, trả liên tiếp đến ngày 20/10/2022. Riêng ngày 20/11/2022 trả 4.440.000đ (Bốn triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Đến thời hạn trả nợ như đã thỏa thuận mà vợ chồng ông T2 – bà V không trả tiền cho Hợp tác xã Nông nghiệp 2 N thì phải trả tất cả số tiền còn nợ tại thời điểm vi phạm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí: Vợ chồng ông T2 – bà V tự nguyện chịu 1.211.000 (Một triệu hai trăm mười một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Hợp tác xã Nông nghiệp 2 N 795.000đ (Bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004926 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Kiều Oanh